

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT

IB2600105863-00

Tên gói thầu

Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Dự án/dự toán mua sắm

Phát hành ngày

Ban hành kèm theo quyết định








Chương I: CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

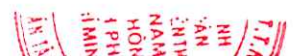
	<p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSĐT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSĐT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSĐT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSĐT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSĐT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSĐT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p>



<p>của nhà thầu</p>	<p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được</p>

E-HSMT	<p>sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL .</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần	E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:

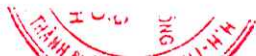


của E-HSDT	<p>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem</p>

	xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
16. Thời điểm đóng thầu	16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
18. Mở E-HSĐXKT	18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư;







	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>19.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu, Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSĐT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform. Trường hợp có sự sai

	<p>khác giữa thông tin kê khai trên webform so với tài liệu đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp không xác định được nhân sự đã kê khai trên webform hoặc nhân sự không tồn tại trên thực tế. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. <p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐXKT:</p> <p>Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p>20. Mở E-HSĐXTC</p>	<p>20.1. E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSĐXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá)

	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
21. Đánh giá E-HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu	<p>21.1. Đánh giá E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 24.2 E-CDNT.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSĐT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSĐT không đính</p>

	<p>kèm các tài liệu này thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p>



(Handwritten signatures and initials)

	<p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
26. Nhà thầu phụ	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nhân sự cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp</p>

thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:




- a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;
- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần "Mô tả dịch vụ" của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định

	<p>rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư, chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của chủ đầu tư.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng</p>

	<p>khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSMT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p>










	30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
31. Tùy chọn mua thêm	Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
32. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng	Sau khi đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Dự thảo hợp đồng; Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu (nếu có); Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; Biên bản thương thảo hợp đồng; Các nội dung nêu trong E-HSĐT và văn bản giải thích làm rõ E-HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSĐT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà</p>

	thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>34.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <p>a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp kiến nghị lên chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> <p>34.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện Theo quy định tại E-BDL.</p>

¹Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.



Chương II - BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1

Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

E-CDNT 1.2

Tên gói thầu: Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Tên dự án/dự toán mua sắm:

E-CDNT 3

Nguồn vốn: Khấu hao tài sản cố định

E-CDNT 5.1 (c)

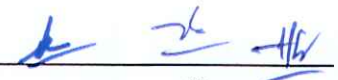
Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:
- Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.
- Địa chỉ chủ đầu tư: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước.
- + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.
- + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.
- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên).¹

Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:



$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i ;

Y_i : Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;

n : Là số thành viên tham gia trong liên danh.

E-CDNT 7.3

Hội nghị tiền đấu thầu: Không

E-CDNT 8

Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND

E-CDNT 10.3

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu, Bảng tính tỷ lệ sau giảm giá (nộp kèm trong hồ sơ đề xuất tài chính) quy định tại Chương V. Điều khoản tham chiếu (đính kèm).

E-CDNT 12.2

Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu

E-CDNT 14.3

Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng

E-CDNT 15.1

Thời hạn hiệu lực của E-HSDT: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

E-CDNT 19.1

Phương pháp đánh giá E-HSDT là:

Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm

Đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

E-CDNT 21.2

Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp thứ nhất

E-CDNT 26.3

Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu

E-CDNT 28.4




Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)

E-CDNT 31

Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng;

E-CDNT 33.2

Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.



E-CDNT 34.1 (b)

- Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Hồ - Giám đốc Viễn thông TP. Hồ Chí Minh..
- + Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh..
- + E-mail: kiethm.hcm@vnpt.vn.

- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị:
- + Địa chỉ: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 270B Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh..
- + E-mail: letuananh.hcm@vnpt.vn.

E-CDNT 34.2

- + Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Không thuộc trường hợp này..
- + Email của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: khongthuoctruonghopnay@vnpt.vn.
- + Địa chỉ của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: không có..




Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

STT	Nội dung
1	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)(<i>Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022</i>);

2	Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
3	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
4	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
5	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
6	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có). Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

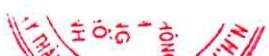
STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	5		
1.1	Đã thực hiện hợp đồng khảo sát, lập BCKTCKT và TKBVTC-TDT xây dựng công trình /hoặc khảo sát, lập BCKTCKT đầu tư xây dựng loại công trình hạ tầng kỹ thuật đường cáp truyền tín hiệu viễn thông, công trình cấp 2 được nghiệm thu trong 03 năm gần nhất đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, biên bản nghiệm thu và bàn giao hồ sơ, xác nhận tiến độ thực hiện hợp đồng đính kèm)	5	<03 hợp đồng: 0 điểm. 03 hợp đồng: 3,5 điểm. > 03 hợp đồng: 5 điểm.	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)	5		
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (Không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng; Đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng; Được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, không ký kết hợp đồng); Thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó (Có lịch sử không hoàn thành hợp đồng	5	Không có hợp đồng nào bị đánh giá là vi phạm: 5 điểm. Trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu bị đăng tải vi phạm trên trang đấu thầu quốc gia trong 3 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu, mỗi	

	do lỗi của nhà thầu; Có hợp đồng bị chậm tiến độ thực hiện hợp đồng)		01 trường hợp bị đánh giá là vi phạm thì nhà thầu sẽ bị trừ 1 điểm. Có hợp đồng bị chậm tiến độ thực hiện hợp đồng, mỗi 01 hợp đồng bị đánh giá là chậm tiến độ thì nhà thầu sẽ bị trừ 0,5 điểm.	
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	40		28
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu	4		2,8
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, qui mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu: nêu các nội dung phù hợp với quy mô, đặc điểm dự án, có mô tả vị trí mặt bằng /tuyến.	2	Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp: 0 điểm. Có nêu nhưng chưa đầy đủ: 1,4 điểm. Có nêu đầy đủ, phù hợp: 2 điểm.	
3.1.2	Đề xuất kỹ thuật có nêu các nội dung phù hợp với mục đích, nhiệm vụ, phạm vi, qui mô của gói thầu	2	Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp: 0 điểm. Có nêu nhưng chưa đầy đủ: 1.4 điểm. Có nêu đầy đủ, phù hợp: 2 điểm.	
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	22		15,4
3.2.1	Đề xuất giải pháp cụ thể theo trình tự các bước theo điều khoản tham chiếu.	6	Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp: 0 điểm. Có nêu nhưng chưa đầy đủ: 4,2 điểm. Có nêu đầy đủ, phù hợp: 6 điểm.	
3.2.2	Đề xuất giải pháp có các hình ảnh chụp thực tế tại hiện trường minh họa hiện trạng hạ tầng mạng viễn thông VNPT hiện hữu, vị trí dự kiến xây dựng mới, vị trí đón chuyển từ treo xuống ngầm	8	Không nêu, không có hình ảnh hoặc có nêu nhưng không phù hợp: 0 điểm. Có nêu nhưng	

			chưa đầy đủ: 4,8 điểm. Có nêu đầy đủ, phù hợp: 8 điểm.	
3.2.3	Đề xuất giải pháp gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu, trọng tâm là xây dựng mới hạ tầng mạng viễn thông ngầm để đón chuyển toàn bộ mạng cáp treo hiện hữu xuống ngầm và có dự phòng cho phát triển thuê bao mới trên cơ sở tối ưu, tận dụng tối đa hạ tầng mạng viễn thông VNPT hiện hữu, thu hồi mạng lưới hiện hữu sau khi hạ ngầm.	8	Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp: 0 điểm. Có nêu nhưng chưa đầy đủ: 4,8 điểm. Có nêu đầy đủ, phù hợp: 8 điểm.	
3.3	Cách trình bày	2	Đề xuất được trình bày không theo trình tự, không hợp lý: 0 điểm. Đề xuất được trình bày đúng trình tự: 1,4 điểm. Đề xuất được trình bày theo đúng trình tự, hợp lý, dễ theo dõi : 2 điểm.	1,4
3.4	Kế hoạch triển khai	6		4,2
3.4.1	Có xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ nêu trong điều khoản tham chiếu, kế hoạch của mỗi nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả chi tiết và khả thi	2	Không nêu hoặc nêu không phù hợp: 0 điểm. Có nêu nhưng còn thiếu sót: 1,4 điểm. Có nêu đầy đủ, phù hợp: 2 điểm.	
3.4.2	Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với giải pháp, phương pháp luận và tiến độ dự kiến	3	Không nêu hoặc nêu không phù hợp: 0 điểm. Có nêu nhưng còn thiếu sót: 2,1 điểm. Có nêu đầy đủ, phù hợp: 3 điểm.	
3.4.3	Tổng thời gian thực hiện các nhiệm vụ (thời gian thực hiện hợp đồng) phù hợp với tiến độ qui định trong E-HSMT	1	Không đáp ứng: 0 điểm. Đáp ứng: 1 điểm.	
3.5	Bố trí nhân sự	6		4,2

3.5.1	Có bảng phân công nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ		2	Không đáp ứng: 0 điểm. Đáp ứng: 2 điểm.	
3.5.2	Bảng phân công nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ được lập chi tiết, đầy đủ cho tất cả các nhiệm vụ nêu trong điều khoản tham chiếu		2	Không đáp ứng: 0 điểm. Đáp ứng: 2 điểm.	
3.5.3	Thời điểm và thời gian huy động nguồn nhân lực phù hợp với kế hoạch thực hiện		2	Không đáp ứng: 0 điểm. Đáp ứng: 2 điểm.	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)		50		35
		Số lượng			
4.1	Chủ trì thiết kế	1	20		
4.1.1	Bằng cấp: Có bằng đại học thuộc chuyên ngành phù hợp với tính chất, quy mô dự án (chứng minh bằng: bản chụp văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan đính kèm)		10	Có bằng đại học thuộc chuyên ngành phù hợp với tính chất, quy mô dự án: 10 điểm. Không có bằng đại học thuộc chuyên ngành phù hợp với tính chất, quy mô dự án: 0 điểm.	
4.1.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan: Đã là chủ trì thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đường cấp truyền tín hiệu viễn thông cấp 2 đã được nghiệm thu hoàn thành sản phẩm tư vấn trong 03 năm gần nhất kể từ ngày đóng thầu (chứng minh bằng: bản gốc bản kê khai năng lực, kinh nghiệm; quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu).		10	< 03 công trình: 0 điểm. 03 công trình: 7 điểm. > 03 công trình: 10 điểm.	
4.2	Chủ trì lập chi phí đầu tư xây dựng	1	20		
4.2.1	Bằng cấp: Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng còn hiệu lực (chứng minh bằng: bản chụp văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan đính kèm)		10	Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng (chứng minh bằng: bản chụp văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan đính kèm): 10 điểm. Không có	

(Handwritten signatures and initials)



			chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng (chứng minh bằng: bản chụp văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan đính kèm): 0 điểm.	
4.2.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan: Đã là chủ trì lập dự toán các công trình hạ tầng kỹ thuật đường cấp truyền tín hiệu viễn thông cấp 2 đã được nghiệm thu hoàn thành sản phẩm tư vấn trong 03 năm gần nhất kể từ ngày đóng thầu (chứng minh bằng: bản gốc bản kê khai năng lực, kinh nghiệm; quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu).	10	< 03 công trình: 0 điểm. 03 công trình: 7 điểm. > 03 công trình: 10 điểm.	
4.3	Nhân viên khảo sát	1	10	
4.3.1	Bằng cấp: Có trình độ thuộc chuyên ngành phù hợp với tính chất, quy mô dự án (chứng minh bằng: bản chụp văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan đính kèm).	5	Có bằng đại học: 5 điểm. Có bằng cao đẳng hoặc trung cấp: 3,5 điểm. Không có bằng cấp: 0 điểm.	
4.3.2	Đã khảo sát các công trình hạ tầng kỹ thuật đường cấp truyền tín hiệu viễn thông cấp 2 (chứng minh bằng: bản gốc bản kê khai năng lực, kinh nghiệm; quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát).	5	< 03 công trình: 0 điểm. 03 công trình: 3,5 điểm. > 03 công trình: 5 điểm.	
5	Yêu cầu về chuyên gia công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)			
5.1			không yêu cầu	
	Tổng cộng (100%)	100		70

Ghi chú

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp E-HSMT có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.



Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

Xác định giá thấp nhất:

- Xác định giá dự thầu;
- Hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV: BIỂU MẪU MỜI THẦU

Mẫu 01. Hạng mục công việc của gói thầu

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói:Áp dụng

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc dự án: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Phú Thọ Hòa quận Tân Phú	Công trình	1
2	Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc dự án: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Văn Cao, Phạm Văn Xảo, quận Tân Phú - Hạng mục hạ ngầm cáp	Công trình	1
3	Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc dự án: Ngầm hóa mạng cáp viễn thông đường Duyên Hải, huyện Cần Giờ, Tp.HCM	Công trình	1

2. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói:Không áp dụng

MẪU SỐ 02. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSĐXKT)

Ngày: __ [Hệ thống tự trích xuất]

Tên gói thầu: **Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: **CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỆN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu **Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng** số E-TBMT: **IB2600105863** theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSĐXKT: __ [Hệ thống tự động trích xuất từ E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

MẪU SỐ 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Gói thầu: *Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ ____⁽¹⁾: [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ ____⁽¹⁾: [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: *Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng* với số E-TBMT: *IB2600105863*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị
-----	-----	-----------------------------	-----------------

			đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	-	%
2	Tên thành viên thứ 2	-	%
...	...	-	%
...	...	-	%
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư.
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

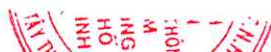
[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.



CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ *[Ghi số năm]*¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm

			<i>thực hiện]</i>	<i>danh]</i>		trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.



[Handwritten signatures]

NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]



(Handwritten signatures and initials)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

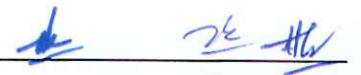
_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.



MẪU SỐ 08. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]								Tổng
			1	2	3	4	5	n	
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:									
	1) Thu thập dữ liệu									
	2) Soạn thảo báo cáo									
	3) Báo cáo sơ bộ									
	4) Tổng hợp ý kiến									
	5) ...									
	6) Báo cáo cuối cùng]									
2	[Hạng mục công việc 2]									
...										
n										

Ghi chú:

(1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.

(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

MẪU SỐ 09: DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

STT	Tên	Số định danh/ CMTND/ căn cước công dân/ Hộ chiếu	Chức danh bổ trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I Nhân sự chủ chốt³									
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/ Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II Nhân sự khác									
1			[Nhà thầu điền]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án:	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]

				<i>nhân sự của nhà thầu/ Nhân sự đi thuê)</i>						<i>tính]</i>
2				<i>[Công ty]</i>					<i>[Hệ thống tự tính]</i>
					<i>[Thực địa]</i>					<i>[Hệ thống tự tính]</i>
	Số công nhân sự khác									
<p>Ghi chú:</p> <p>(1) Trường hợp Mục 14.3 E-BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 E-BDL.</p> <p>(2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.</p> <p>(3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.</p>										

MẪU SỐ 11. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSĐXTC)

Ngày: ____ [Hệ thống tự trích xuất]

Tên gói thầu: **Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: **CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỆN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [Hệ thống tự trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu **Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng** số E-TBMT: **IB2600105863** theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ____ [Hệ thống tự trích xuất] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [Hệ thống tự động tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSĐXTC: ____ [Hệ thống tự trích xuất]

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

MẪU SỐ 14. CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

MẪU SỐ 15. BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Thù lao cho chuyên gia	(A)
2	Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
3	Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
4	Tổng chi phí	A + B + M

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC.



TÀI LIỆU KHÁC THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH

STT	Tên tài liệu	File đính kèm
Không có dữ liệu!		

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V: Điều khoản tham chiếu

Tài liệu đính kèm: CHUONG V. DIEU KHOAN THAM CHIEU.pdf

Các file đính kèm khác: 251231 TTHT De xuất du an_NH Phu Tho Hoa.pdf
 251231 TTHT De xuất du an_NH Van Cao_Phạm Van Xao.pdf
 251231 TTHT de xuất DA_NH Duyên Hải.pdf



Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;1.9. “Hoàn thành” là việc nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<ol style="list-style-type: none">2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:<ol style="list-style-type: none">a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;d) E-ĐKC của hợp đồng;đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu (nếu có);

	<p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>

(Handwritten signatures and initials)






<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.</p>
<p>6. Bảo hiểm</p>	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
<p>7. Loại hợp đồng</p>	<p>Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>8. Giá hợp đồng</p>	<p>Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.</p>
<p>9. Thuế, phí</p>	<p>Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.</p>
<p>10. Tạm ứng và thanh toán</p>	<p>Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ</p>	<p>Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>12. Thời gian thực hiện hợp đồng</p>	<p>Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>13. Sửa đổi hợp đồng</p>	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét</p>

	<p>và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <p>a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</p> <p>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</p> <p>d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này.</p>






	<p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</p> <p>b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</p> <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
<p>16. Nhà thầu phụ</p>	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa nhà thầu và nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>

<p>18. Tạm dừng hợp đồng</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu</p> <p>a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b)</p>

	<p>phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng.
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>

23. Thông báo	23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT . 23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
----------------------	--



Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1

Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số tài khoản: 037.100.069.7979 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0914071737

Số Fax:

Email: honv.hcm@vnpt.vn

Đại diện ủy quyền (nếu có): Hồ Minh Kiệt

E-ĐKC 1.3

Nhà thầu:

E-ĐKC 1.10

Địa điểm dự án: - Dự án 1: đường Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, TP. HCM.

- Dự án 2: khu vực tuyến đường Văn Cao, đường Phạm Văn Xảo, thuộc phường Phú Thọ Hoà và Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án 3: tuyến đường Duyên Hải, Xã Cần Giờ, TP. HCM.

E-ĐKC 1.11

Ngày hợp đồng có hiệu lực: kể từ ngày ký hợp đồng.

E-ĐKC 2.2(i)

Các tài liệu khác: Không có.

E-ĐKC 4.1

Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không có.

E-ĐKC 5.1

Các trường hợp khác: Không có.

E-ĐKC 7




Loại hợp đồng: Trọn gói

E-ĐKC 8

Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.

E-ĐKC 10

10.1. Tạm ứng: Không áp dụng.



10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Tham chiếu tài liệu Chương VII Điều kiện thanh toán (đính kèm).

Đồng tiền thanh toán: VND

Số lần thanh toán: 02 lần.

Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu.

E-ĐKC 11

Thời gian bảo hành là: 365 ngày

Địa điểm để áp dụng bảo hành là: địa điểm xây dựng của dự án.

Yêu cầu về khắc phục sự cố: Tham chiếu mục VI, Chương V. Điều khoản tham chiếu (đính kèm).

E-ĐKC 12

Thời hạn thực hiện hợp đồng: 20 ngày

E-ĐKC 13.1

Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 5 ngày

E-ĐKC 13.2 (e)

Các trường hợp khác: Không có.

E-ĐKC 14.2

Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 5 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư)

E-ĐKC 16.1

Danh sách nhà thầu phụ: __ [ghi danh sách nhà thầu phụ hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].

E-ĐKC 16.2

Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: % giá hợp đồng.

E-ĐKC 16.4

Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không có.

E-ĐKC 17

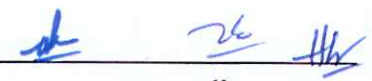
Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng

Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,5% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.

Tổng số tiền phạt không vượt quá: 40.446.270 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.





b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Quy định chi tiết:

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế. - Bồi thường thiệt hại do thiết kế không đúng yêu cầu thực tế hiện trường do lỗi chủ quan của đơn vị tư vấn: không phù hợp về kích thước, chủng loại vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình dẫn đến vật tư, thiết bị không đưa vào lắp đặt được thì Nhà thầu sẽ phải bồi thường thiệt hại với mức bồi thường tối đa bằng 100% Tổng giá trị vật tư trước thuế phải hoàn trả về kho theo thiếu xuất kho vật tư của Chủ đầu tư. - Thiết kế thiếu / thừa vật tư chính dẫn đến thiệt hại. Nhà thầu sẽ phải bồi thường thiệt hại với mức bồi thường bằng Tổng giá trị vật tư thiếu / thừa trước thuế (tính theo đơn giá tương ứng trong Phiếu xuất kho của Chủ đầu tư) trường hợp xác định lỗi là do nhà thầu.

E-ĐKC 19.1

Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó. b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo thời gian và tiến độ thực hiện gói thầu, hoặc nhà thầu chậm tiến độ thực hiện gói thầu quá 24 ngày, hoặc 24 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng. c) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng. d) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu mà không được chủ đầu tư chấp thuận. e) Cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư. f) Nhà thầu không đáp ứng việc huy động nhân sự.

E-ĐKC 20

Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 15 ngày trong các trường hợp sau đây: a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư. b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo quy định của hợp đồng sau 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. c) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.

E-ĐKC 22.2

Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án kinh tế TP. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

E-ĐKC 23.1

Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:

Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư:

Điện thoại: 0914071737

Fax:

E-mail: honv.hcm@vnpt.vn

Tên nhà thầu:

Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Trường hợp ô điền thông tin không đủ độ dài để điền các nội dung về hợp đồng cụ thể hoặc không thể điền được công thức thì đính kèm.
Nếu có tham chiếu đến file đính kèm thì phải ghi rõ trong nội dung của trường tương ứng là "chi tiết xem tại mục File đính kèm": CHUONG VII.
DIEU KIEN THANH TOAN.pdf

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

Mẫu số 16

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

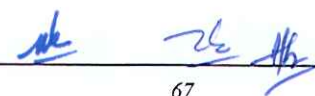
Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]



Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.



Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

_____ [Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

_____ [Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ *Tổng số tiền thanh toán* _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*
_____ *[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].*

4. Hợp đồng theo thời gian ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là *[Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán]* cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt. b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ *Tổng số tiền thanh toán* _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

_____ *[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].*

5. Phương thức thanh toán: _____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ: _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**



[xác nhận, chữ ký số]

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng.
- (4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17: Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là _____ [Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];

- Địa chỉ phương tiện điện tử: ___ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ___ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ___ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ___ tháng ___ năm ___ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

- (1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.
- (2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Mẫu số 18: Giấy ủy quyền

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người

khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

TTHT lập hồ sơ đề xuất dự án

MẪU THUYẾT MINH HẠ NGÂM CẤP

1/ Tên dự án: Ngâm hóa mạng viễn thông đường đường Phú Thọ Hòa quận Tân Phú.

2/ Tổng mức đầu tư dự kiến (trước VAT):

1,678,682,370 VNĐ

3/ Sơ cứ đầu tư:

a/ Các văn bản liên quan đến dự án

- Ngâm hóa theo chủ trương UBNDTPHCM vb số 1642/KH-UBND ngày 21/05/2021 và phải được thi công đồng bộ khi ngành điện, viễn thông, chiếu sáng công cộng công trình giao thông và thoát nước đô thị có kế hoạch thi công trên cùng tuyến công trình. Vì vậy việc thực hiện đồng bộ dự án ngâm hóa là bắt buộc theo yêu cầu của UBND và các đơn vị có thẩm quyền nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

b/ Thuyết minh nhu cầu đầu tư:

- Tuyến cáp quang 96 FO: thi công từ vị trí đoạn đường Phú Thọ Hòa tổng chiều dài 2000 mét
- Tuyến cáp quang 48 FO: thi công từ vị trí đoạn đường Phú Thọ Hòa chiều dài 3000 mét
- Tuyến cáp quang 24 FO: thi công từ vị trí đoạn đường Phú Thọ Hòa tổng chiều dài 4500 mét

c/ Mục tiêu hạ ngầm cáp:

- Việc hạ ngầm tuyến cáp hiện hữu do đơn vị khác (Viettel) làm chủ đầu tư là bắt buộc phải thực hiện để bảo đảm giữ tập khách hàng hiện hữu đang sử dụng dịch vụ đồng thời bảo đảm khả năng phát triển dịch vụ trong tương lai.

4/ Phạm vi dự án;

Liệt kê cụ thể các tuyến đường, khu phố, phường/xã thuộc phạm vi mở rộng mạng; nêu rõ chiều dài tuyến đường hoặc phạm vi ngâm hóa.

Tuyến đường	Đầu tuyến	Cuối tuyến	Chiều dài (m)
Phú Thọ Hòa	Toàn tuyến	Toàn tuyến	2200

5/ Thời điểm dự kiến hoàn tất đưa vào sử dụng:

Ghi rõ thời gian dự kiến hoàn tất và đưa công trình vào khai thác

6/ Hiện trạng khu vực mở rộng mạng lưới:

- **Hầm cống:** Thuyết minh hiệu suất sử dụng các tuyến hầm cống trong phạm vi liên quan (nếu dự án liên quan đến mở rộng hầm cống).

Stt	Tuyến đường	Chiều dài	Số lỗ pi	Sử dụng	Trống	Ghi chú
1	Phú Thọ Hòa	2200	0			
2		-	-			
3		-	-			

7/ Qui mô dự án: theo Suất đầu tư (Ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-VNPT.TPHCM-ĐT ngày 16/4/2025

- Ghi chú: Sau khi P.KT thẩm định qui mô và số lượng thuê bao phát triển trong năm

- Thuyết minh sơ bộ về việc đầu tư dự án: tuyến cống, hầm, chiều dài tuyến cáp cần đầu tư

STT	Tên suất đầu tư	Đơn vị	Giá trị suất đầu tư trước thuế GTGT (VNĐ)	Công trình	
	Bảng 1: Suất đầu tư xây dựng hầm, cống cấp áp dụng cho công trình ngâm hóa theo kế hoạch của UBND TP.HCM				



Handwritten signature

Handwritten signature

				Qui mô	Thành tiền	Ghi chú
II	Suất đầu tư xây dựng công cáp dưới đường nhựa (Eye > 155Mpa) - H=102cm					
7	1Pí 110	km	1,094,000,000	0.06	65,640,000	
IX	Suất đầu tư xây dựng bộ tủ cáp			0		
1	Bộ tủ cáp quang 192FO	bộ tủ	1,900,000	2	3,800,000	
	Bảng 3: Suất đầu tư lắp đặt cáp quang, phụ kiện			0		
I.2	Cáp quang kéo cống			0		
1	Cáp quang ngầm 02FO	km	6,800,000	30.5	207,400,000	
3	Cáp quang ngầm 06FO	km	11,900,000	7.4	88,060,000	
5	Cáp quang ngầm 12FO	km	13,500,000	7.2	97,200,000	
6	Cáp quang ngầm 24FO	km	15,600,000	4.5	70,200,000	
7	Cáp quang ngầm 48FO	km	21,200,000	3	63,600,000	
8	Cáp quang ngầm 96FO	km	30,300,000	2	60,600,000	
II	LẮP ĐẶT, HÀN NỐI			0		
II.1	Lắp đặt, hàn nối mạng xông cáp quang			0		
1	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 12FO	cái	1,000,000	72	72,000,000	
2	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 24FO	cái	1,300,000	34	44,200,000	
3	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 48FO	cái	2,100,000	32	67,200,000	
4	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 96FO	cái	3,400,000	18	61,200,000	
II.2	Lắp đặt, hàn nối Module quang gắn tủ cáp			0		
2	Module 24FO gắn tủ (đầy đủ phụ kiện)	cái	2,700,000	60	162,000,000	
II.4	Lắp đặt, hàn nối ODF gắn rack 19"			0		
4	ODF 96FO SC/APC gắn rack 19" (đầy đủ phụ kiện)	cái	5,000,000	1	5,000,000	
II.5	Lắp đặt, hàn nối Splitter (không có connector)			0		
2	Splitter (Rời, 1:4, đầu để hàn)	cái	314,000	160	50,240,000	
II.6	Lắp đặt Splitter (có connector SC/APC)			0		
1	Splitter 1:8	cái	124,000	32	3,968,000	
2	Splitter 1:16	cái	235,000	16	3,760,000	
II.7	Lắp đặt, hàn nối hộp Splitter (có connector SC/APC)			0		
1	Hộp Splitter 1:8 OUT	cái	1,659,000	40	66,360,000	
II.8	Lắp đặt, hàn nối hộp OTB (không có Splitter)			0		
6	Hộp OTB - OUT 02FO	hộp	497,000	335	166,495,000	
7	Hộp OTB - OUT 04FO	hộp	498,000	200	99,600,000	
8	Hộp OTB - OUT 12FO	hộp	1,415,000	60	84,900,000	
III	LẮP ĐẶT KHUNG GIÁ			0		
IV	LẮP ĐẶT TỦ CÁP QUANG ĐẶT BỆ (không có module quang)			0		
1	Tủ cáp quang 192 FO	tủ	16,000,000	2	32,000,000	
	Bảng 4: Suất tháo dỡ thu hồi cáp quang, cáp đồng và phụ kiện			0		
8	Tháo dỡ, thu hồi cáp đồng ≤ 50x2 treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	4,313,000	1.2	5,175,600	
9	Tháo dỡ, thu hồi cáp đồng ≤ 100x2 treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	4,968,000	1.7	8,445,600	
10	Tháo dỡ, thu hồi cáp đồng ≤ 200x2 treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	5,589,000	1.6	8,942,400	
18	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang ≤ 16FO treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	2,083,000	4.19	8,727,770	

20	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang ≤ 48FO treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	3,000,000	2.5	7,500,000	
22	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang treo > 48FO treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	3,568,000	1	3,568,000	
0	DAY NHAY QUANG LSZH DOI DUONG KINH 2.0MM LC/UPC-SC/APC 20M (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E_ĐTRR-MSTX)	Sợi	89,200	80	7,136,000	
0	DAY NHAY QUANG LSZH DOI DUONG KINH 2.0MM LC/UPC-SC/APC 15M (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E_ĐTRR-MSTX)	Sợi	77,400	200	15,480,000	
0	DAY NHAY QUANG LSZH DOI DUONG KINH 2.0MM SC/APC-SC/APC 3M (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E_ĐTRR-MSTX)	Sợi	49,080	200	9,816,000	
0	DAY NHAY QUANG LSZH DOI DUONG KINH 2.0MM SC/APC-SC/APC 1.5M (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E_ĐTRR-MSTX)	Sợi	45,540	200	9,108,000	
0	ĐAU NOI QUANG SC/APC 0.9MM (Đầu nối cơ khí) (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E_ĐTRR-MSTX)	cái	10,300	800	8,240,000	
0	DAY NOI QUANG LSZH DON DUONG KINH 0.9MM SC/APC 1.5M (Pigtail) (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E_ĐTRR-MSTX)	Sợi	11,500	800	9,200,000	
0	ỐNG CƠ NHIỆT 60MM (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E_ĐTRR-MSTX)	cái	400	800	320,000	
0	ADAPTER CHUẨN SC/APC (HĐ: 097-2020/CUVT-POSTEF/ĐTRR-KHMS)	cái	2,000	800	1,600,000	
Tổng Cộng (chưa thuế VAT):					1,678,682,370	
Tổng Cộng (có thuế VAT):					1,846,550,607	

8/ Hiệu quả đầu tư:

- Danh mục các dự án do UBND TP phê duyệt vb số 1642/KH-UBND ngày 21/05/2021 và phải được thi công đồng bộ khi ngành điện, viễn thông, chiếu sáng công cộng công trình giao thông và thoát nước đô thị có kế hoạch thi công trên cùng tuyến công trình. Vì vậy việc thực hiện đồng bộ dự án ngầm hóa là bắt buộc theo yêu cầu của UBND và các đơn vị có thẩm quyền nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Việc hạ ngầm tuyến cáp hiện hữu là bắt buộc phải thực hiện để bảo đảm giữ tập khách hàng hiện hữu đang sử dụng dịch vụ đồng thời bảo đảm khả năng phát triển dịch vụ.

Thẩm định của Phòng Kỹ Thuật


Bùi Duy Giao

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025



Nguyễn Việt Dũng

THU * H.





TTHT lập hồ sơ đề xuất dự án

MẪU THUYẾT MINH HẠ NGẦM CẤP

1/ Tên dự án: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Văn Cao, Phạm Văn Xảo, quận Tân Phú - Hạng mục hạ ngầm cáp.

2/ Tổng mức đầu tư dự kiến (trước VAT): 1,160,170,700 VNĐ

3/ Sơ cứ đầu tư:

- Các Phòng Hạ tầng đề xuất mở rộng mạng lưới dựa trên yêu cầu từ các đơn vị:

a/ Các văn bản liên quan đến dự án

- Ngầm hóa theo chủ trương UBNDTPHCM vb số 1642/KH-UBND ngày 21/05/2021 và phải được thi công đồng bộ khi ngành điện, viễn thông, chiếu sáng công cộng công trình giao thông và thoát nước đô thị có kế hoạch thi công trên cùng tuyến công trình. Vì vậy việc thực hiện đồng bộ dự án ngầm hóa là bắt buộc theo yêu cầu của UBND và các đơn vị có thẩm quyền nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

b/ Thuyết minh nhu cầu đầu tư:

- Tuyến cáp quang 96 FO: thi công từ vị trí đoạn đường Thoại Ngọc Hầu tổng chiều dài 7090 mét
- Tuyến cáp quang 48 FO: thi công từ vị trí đoạn đường Thoại Ngọc Hầu chiều dài 4821 mét
- Tuyến cáp quang 24 FO: thi công từ vị trí đoạn đường Thoại Ngọc Hầu tổng chiều dài 4407 mét

c/ Mục tiêu hạ ngầm cáp:

- Việc hạ ngầm tuyến cáp hiện hữu do đơn vị khác (Viettel) làm chủ đầu tư là bắt buộc phải thực hiện để bảo đảm giữ tập khách hàng hiện hữu đang sử dụng dịch vụ đồng thời bảo đảm khả năng phát triển dịch vụ trong tương lai.

4/ Phạm vi dự án:

Liệt kê cụ thể các tuyến đường, khu phố, phường/xã thuộc phạm vi mở rộng mạng; nêu rõ chiều dài tuyến đường hoặc phạm vi ngầm hóa.

Tuyến đường	Đầu tuyến	Cuối tuyến	Chiều dài (m)
Văn Cao, Phạm Văn Xảo	Toàn tuyến	Toàn tuyến	2200

5/ Thời điểm dự kiến hoàn tất đưa vào sử dụng:

Ghi rõ thời gian dự kiến hoàn tất và đưa công trình vào khai thác

6/ Hiện trạng khu vực mở rộng mạng lưới:

- **Hầm công:** Thuyết minh hiệu suất sử dụng các tuyến hầm công trong phạm vi liên quan (nếu dự án liên quan đến mở

Stt	Tuyến đường	Chiều dài	Số lỗ pi	Sử dụng	Trống	Ghi chú
1	Thoại Ngọc Hầu	2200	0			
2		-	-			
3		-	-			

7/ Qui mô dự án: theo Suất đầu tư (Ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-VNPT.TPHCM-ĐT ngày 16/4/2025

- Ghi chú: Sau khi P.KT thẩm định qui mô và số lượng thuê bao phát triển trong năm

- Thuyết minh sơ bộ về việc đầu tư dự án: tuyến cống, hầm, chiều dài tuyến cáp cần đầu tư

STT	Tên suất đầu tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá trị suất đầu tư trước thuế GTGT (VNĐ)	Thành tiền trước thuế GTGT (VNĐ)



+

th

Bảng 1: Suất đầu tư xây dựng hầm, cống cáp áp dụng cho công trình ngầm hóa theo kế hoạch của UBND TP.HCM					
II	Suất đầu tư xây dựng cống cáp				Ghi chú
7	1Pì 110	km	0.02	1,202,000,000	24,040,000
IV	Suất đầu tư xây dựng cống cáp				
7	1Pì 110	km	0.04	521,000,000	20,840,000
IX	Suất đầu tư xây dựng bộ tủ cáp				
1	Bộ tủ cáp quang 192FO	bộ tủ	4	1,900,000	7,600,000
Bảng 3: Suất đầu tư lắp đặt cáp quang, phụ kiện					
I	LẮP ĐẶT CÁP QUANG				
I.2	Cáp quang kéo cống				
1	Cáp quang ngầm 02FO	km	7.154	6800000	48,647,200
3	Cáp quang ngầm 06FO	km	3.376	11900000	40,174,400
5	Cáp quang ngầm 12FO	km	5.79	13500000	78,165,000
6	Cáp quang ngầm 24FO	km	4.407	15600000	68,749,200
7	Cáp quang ngầm 48FO	km	4.821	21200000	102,205,200
8	Cáp quang ngầm 96FO	km	7.09	30300000	214,827,000
II	LẮP ĐẶT, HÀN NỐI				
II.1	Lắp đặt, hàn nối mạng xông cáp				
1	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 12FO	cái	42	1000000	42,000,000
2	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 24FO	cái	28	1300000	36,400,000
3	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 48FO	cái	19	2100000	39,900,000
4	Mạng xông cáp quang ngầm, treo 96FO	cái	30	3400000	102,000,000
II.3	Lắp đặt, hàn nối Module quang				
2	Module 96FO gắn ODF tập trung TYCO (đầy đủ phụ kiện)	cái	2	5300000	10,600,000
II.4	Lắp đặt, hàn nối ODF gắn rack 19"				
1	ODF 12FO SC/APC gắn rack 19" (đầy đủ phụ kiện)	cái	8	1800000	14,400,000
II.5	Lắp đặt, hàn nối Splitter (không có Splitter (Rời, 1:4, đầu để hàn)-Tạm tính cho SP 1:4 SC/APC				
2	Splitter (Rời, 1:4, đầu để hàn)-Tạm tính cho SP 1:4 SC/APC	cái	93	314000	29,202,000
II.6	Lắp đặt Splitter (có connector				
1	Splitter 1:8	cái	12	124000	1,488,000
2	Splitter 1:16	cái	8	235000	1,880,000
II.7	Lắp đặt, hàn nối hộp Splitter (có				
1	Hộp Splitter 1:8 OUT	cái	46	1659000	76,314,000
II.8	Lắp đặt, hàn nối hộp OTB (không				
6	Hộp OTB - OUT 02FO	hộp	161	497000	80,017,000
7	Hộp OTB - OUT 04FO	hộp	93	498000	
IV	LẮP ĐẶT TỦ CÁP QUANG ĐẶT				

1	Tủ cáp quang 192 FO	tủ	4	16,000,000	64,000,000
Bảng 4: Suất tháo dỡ thu hồi cáp quang, cáp đồng và phụ kiện					
8	Tháo dỡ, thu hồi cáp đồng ≤ 50x2 treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	1.25	4313000	5,391,250
9	Tháo dỡ, thu hồi cáp đồng ≤ 100x2 treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	1.1	4968000	5,464,800
10	Tháo dỡ, thu hồi cáp đồng ≤ 200x2 treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	0.55	5589000	3,073,950
18	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang ≤ 16FO treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	3.6	2083000	7,498,800
20	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang ≤ 48FO treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	2.4	3000000	7,200,000
22	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang treo > 48FO treo (không đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	3.1	3568000	11,060,800
Bảng vật tư tạm tính					
1	Dây nhảy quang LSZH đôi đường kính 2.0mm LC/UPC-SC/APC 15m	Sợi	10	72,600	726,000
2	Dây nhảy quang LSZH đôi đường kính 2.0mm SC/UPC-SC/APC 15m	Sợi	10	71,500	715,000
3	Dây nhảy quang LSZH đơn đường kính 2.0mm SC/APC-LC/UPC 15m	Sợi	10	36,300	363,000
4	Dây nhảy quang LSZH đơn đường kính 2.0mm SC/APC-SC/UPC 15m	Sợi	10	35,750	357,500
5	Dây nhảy quang LSZH đơn đường kính 2.0mm SC/APC-SC/APC 1,5m	Sợi	100	21,126	2,112,600
6	ĐAU NỐI QUANG SC/APC 0.9MM (Đầu nối cơ khí) (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	cái	240	10,300	2,472,000
7	ĐÂY NỐI QUANG LSZH ĐƠN ĐƯỜNG KÍNH 0.9MM SC/APC 1.5M (Pigtail) (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	Sợi	740	11,500	8,510,000
8	ONG CƠ NHỊT 60MM (HĐ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	cái	740	400	296,000
9	ADAPTER CHUAN SC/APC (HĐ: 097-2020/CUVT-POSTEF/ĐTRR-KHMS)	cái	740	2,000	1,480,000

Tổng trước thuế VAT 1,160,170,700
Thuế VAT 116,017,070
Tổng sau thuế VAT 1,276,187,770

8/ Hiệu quả đầu tư:

1-C
NH
PO
NH
ET
H
H
OC
LY

(Handwritten signatures and initials)

- Danh mục các dự án do UBND TP phê duyệt vb số 1642/KH-UBND ngày 21/05/2021 và phải được thi công đồng bộ khi ngành điện, viễn thông, chiếu sáng công cộng công trình giao thông và thoát nước đô thị có kế hoạch thi công trên cùng tuyến công trình. Vì vậy việc thực hiện đồng bộ dự án ngầm hóa là bắt buộc theo yêu cầu của UBND và các đơn vị có thẩm quyền nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Việc hạ ngầm tuyến cáp hiện hữu là bắt buộc phải thực hiện để bảo đảm giữ tập khách hàng hiện hữu đang sử dụng dịch vụ đồng thời bảo đảm khả năng phát triển dịch vụ.

Thẩm định của Phòng Kỹ Thuật



Bùi Duy Giao

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Giám đốc Trung tâm Hạ tầng



Nguyễn Việt Dũng

TTHT lập hồ sơ đề xuất dự án

MẪU THUYẾT MINH HẠ NGẦM CẤP

Tên dự án: Ngầm hoá mạng cáp viễn thông đường Duyên Hải, huyện Cần Giờ, Tp.HCM

Tổng mức đầu tư dự kiến (trước VAT):

2,517,698,680

1. Hiện trạng

1.1. Phạm vi khu vực dự án: Ô địa bàn TT.VTNB

Tuyến đường	Đầu tuyến	Cuối tuyến	Chiều dài (m)
Duyên Hải	Rừng Sác	Chợ Cần Giờ	7,500

1.2. Hiện trạng hầm công khu vực đầu tư:

Tuyến đường	Đầu tuyến	Cuối tuyến	Chiều dài (m)	Tổ hợp Pi110	Sử dụng	Trống	Ghi chú
Duyên Hải	Phan Trọng Tuệ	Chợ Cần Giờ	5,000	4	3	1	

2. Sự cần thiết đầu tư:

a/ Các văn bản liên quan đến dự án

- Ngầm hóa theo chủ trương UBNDTPHCM vb số 1642/KH-UBND ngày 21/05/2021 và phải được thi công đồng bộ khi ngành điện, viễn thông, chiếu sáng công cộng công trình giao thông và thoát nước đô thị có

b/ Thuyết minh nhu cầu đầu tư:

- Tuyến cáp quang liên dài LHO-ANG/96FO: thi công từ trạm LHO đến ANG tổng chiều dài bị ảnh hưởng trên đường Duyên Hải là 3.122 mét (cáp quang liên dài)
- Tuyến cáp quang liên dài LHO-CGI/96FO: thi công từ trạm LHO đến CGI tổng chiều dài bị ảnh hưởng trên đường Duyên Hải là 7.500 mét (cáp quang liên dài)
- Tuyến cáp quang 48 FO: thi công trước từ LHOF0501, CGIF0802, CGIF0805, CGIF0903, CGIF0906, CGIF0301 đi trên mặt tiền đường Duyên Hải với tổng chiều dài: 8.500m (cáp quang gốc, cáp quang phối)
- Tuyến cáp quang 24 FO: thi công trước từ LHOF0501, CGIF0802, CGIF0805, CGIF0903, CGIF0906, CGIF0301 đi trên mặt tiền đường Duyên Hải với tổng chiều dài: 9.700m (cáp quang gốc, cáp quang phối)
- Tuyến cáp quang 12 FO: thi công trước từ LHOF0501, CGIF0802, CGIF0805, CGIF0903, CGIF0906, CGIF0301 đi trên mặt tiền đường Duyên Hải với tổng chiều dài: 12.700m (cáp BTS, cáp quang phối)
- Tuyến cáp quang 06 FO: thi công từ các Măng xông đặt ở các hầm ngầm hóa Viettel đến các hộp OTB 08, OTB 04, Splitter 1:8 đi trên mặt tiền đường Duyên Hải với tổng chiều dài: 17.500m (cáp quang phối)
- Tuyến cáp quang 02 FO: thi công trước các hộp OTB 08, OTB 04 đến OTB 02 đi trên mặt tiền đường Duyên Hải với tổng chiều dài: 18.600m (cáp quang phối)
- Tuyến dây thuê bao 02 FO: thi công từ OTB 2FO đến thuê bao mặt tiền đoạn đường Duyên Hải từ Rừng Sác đến Chợ Cần Giờ tổng thuê bao 400 thuê bao (Dây thuê bao tạm tính 30m/1 thuê bao)

c/ Mục tiêu hạ ngầm cáp:

- Phục vụ thuê bao hiện hữu của từ cáp LHOF0501, CGIF0802, CGIF0805, CGIF0903, CGIF0906, CGIF0301
- Phát triển các dịch vụ BRCĐ&BTS, CNTT trong khu vực
- Việc hạ ngầm cáp mang lại chất lượng mạng lưới ổn định đảm bảo khách hàng không rời mạng, doanh thu ổn định cho VNPT.

3. Quy mô dự án

STT	Tên suất đầu tư	Đơn vị	Giá trị suất đầu tư trước thuế GTGT	Công trình		Ghi chú
				Quy mô	Thành tiền	
1	2Pi 110	km	1,351,000,000	0.2	270,200,000	
2	Bộ tủ cáp quang 192FO	bộ tủ	1,900,000	4	7,600,000	
3	Cáp quang ngầm 02FO	km	6,800,000	18.6	126,480,000	
4	Cáp quang ngầm 06FO	km	11,900,000	17.5	208,250,000	
5	Cáp quang ngầm 12FO	km	13,500,000	12.7	171,450,000	
6	Cáp quang ngầm 24FO	km	15,600,000	9.7	151,320,000	
7	Cáp quang ngầm 48FO	km	21,200,000	8.5	180,200,000	
8	Cáp quang ngầm 96FO	km	30,300,000	10.622	321,846,600	
9	Dây thuê bao quang ngầm 02FO. Hân hai đầu (bình quân 30m/thuê bao)	thuê bao	455,000	400	182,000,000	
10	Măng xông cáp quang ngầm, treo 12FO	cái	1,000,000	41	41,000,000	
11	Măng xông cáp quang ngầm, treo 24FO	cái	1,300,000	27	35,100,000	
12	Măng xông cáp quang ngầm, treo 48FO	cái	2,100,000	25	52,500,000	
13	Măng xông cáp quang ngầm, treo 96FO	cái	3,400,000	30	102,000,000	

VIỆN KỸ THUẬT ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN THIẾT KẾ

14	Module 24FO gắn tủ (đây đủ phụ kiện)	cái	2,700,000	28	75,600,000
15	Splitter (Rời, 1:4, đầu để hàn)	cái	314,000	250	78,500,000
16	Splitter 1:8	cái	124,000	20	2,480,000
17	Splitter 1:16	cái	235,000	16	3,760,000
18	Hộp Splitter 1:8 OUT	cái	1,659,000	30	49,770,000
19	Hộp OTB - IN 08FO	hộp	884,000	150	132,600,000
20	Hộp OTB - OUT 02FO	hộp	497,000	200	99,400,000
21	Hộp OTB - OUT 04FO	hộp	498,000	100	49,800,000
22	Hộp OTB - OUT 24FO	hộp	1,551,000	4	6,204,000
23	Tủ cấp quang 192 FO	tủ	16,000,000	4	64,000,000
24	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang ≤ 48FO trong công bề (có đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	3,523,000	1.2	4,227,600
25	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang > 48FO trong công bề (có đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	4,401,000	1.6	7,041,600
26	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang ≤ 16FO treo (có đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	2,850,000	4.6	13,110,000
27	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang ≤ 48FO treo (có đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	4,516,000	4.5	20,322,000
28	Tháo dỡ, thu hồi cáp quang treo > 48FO treo (có đo kiểm tra thông số kỹ thuật của cáp)	km	5,384,000	3.5	18,844,000
29	DAY NHAY QUANG LSZH ĐÔI DƯƠNG KINH 2.0MM LC/UPC-SC/APC 15M (HỆ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	Sợi	77,400	96	7,430,400
30	DAY NHAY QUANG LSZH ĐÔI DƯƠNG KINH 2.0MM SC/APC-SC/APC 1.5M (HỆ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	Sợi	45,540	192	8,743,680
31	DAY NHAY QUANG LSZH ĐÔI DƯƠNG KINH 2.0MM SC/UPC-SC/APC 20M (HỆ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	Sợi	89,200	96	8,563,200
32	ĐẦU NỐI QUANG SC/APC 0.9MM (Đầu nối cơ khí) (HỆ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	cái	10,300	600	6,180,000
33	DAY NỐI QUANG LSZH ĐƠN DƯƠNG KINH 0.9MM SC/APC 1.5M (Pigtail) (HỆ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	Sợi	11,500	804	9,246,000
34	ONG CỎ NHIỆT 60MM (HỆ: 116-2020/CUVT-VANKHANG-TKHN/E ĐTRR-MSTX)	cái	400	804	321,600
35	ADAPTER CHUẨN SC/APC (HỆ: 097-2020/CUVT-POSTEF/ĐTRR-KHMS)	cái	2,000	804	1,608,000
Tổng Cộng (chưa thuế VAT):					2,517,698,680
Tổng Cộng (có thuế VAT):					2,769,468,548

4. Hiệu quả đầu tư:

- Danh mục các dự án do UBND TP phê duyệt vb số 1642/KH-UBND ngày 21/05/2021 và phải được thi công đồng bộ khi ngành điện, viễn thông, chiếu sáng công cộng công trình giao thông và thoát nước đô thị có kế hoạch thi công trên cùng tuyến công trình. Vì vậy việc thực hiện đồng bộ dự án ngầm hóa là bắt buộc theo yêu cầu của UBND và các đơn vị có thẩm quyền nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Việc hạ ngầm tuyến cáp hiện hữu là bắt buộc phải thực hiện để bảo đảm giữ tập khách hàng hiện hữu đang sử dụng dịch vụ đồng thời bảo đảm khả năng phát triển dịch vụ.

5. Tiến độ yêu cầu

- Thực hiện theo tiến độ của UBNDTPHCM chỉ đạo các nhà mạng làm chủ đầu tư thời gian dự kiến Quy 4/2026

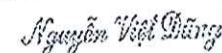
Thẩm định của Phòng Kỹ Thuật


Bùi Duy Giao

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Giám đốc Trung tâm Hạ tầng




Nguyễn Việt Dũng

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu.

1.1. Tên gói thầu: Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

1.2. Tên dự án:

- Dự án 1: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Phú Thọ Hòa quận Tân Phú;
- Dự án 2: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Văn Cao, Phạm Văn Xảo, quận Tân Phú
- Hạng mục hạ ngầm cáp;
- Dự án 3: Ngầm hóa mạng cáp viễn thông đường Duyên Hải, huyện Cần Giờ, Tp.HCM.

1.3. Chủ đầu tư: Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Nguồn vốn: Khấu hao tài sản cố định.

1.5. Quy mô xây dựng:

- Dự án 1: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Phú Thọ Hòa quận Tân Phú:
 - + Thi công xây dựng tuyến pi 1Pi110 tổng chiều dài: 0,06 km.
 - + Thi công các tuyến cáp quang ngầm dung lượng cáp từ 02FO đến 96FO với tổng chiều dài: 54,6 km.
 - + Xây dựng bộ tủ và lắp đặt tủ cáp quang 192FO: 02 tủ.
 - + Thu hồi cáp đồng và cáp quang các loại: 12,19 km.
- Dự án 2: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Văn Cao, Phạm Văn Xảo, quận Tân Phú
- Hạng mục hạ ngầm cáp:
 - + Thi công xây dựng tuyến pi 1Pi110 tổng chiều dài: 60 mét.
 - + Thi công các tuyến cáp quang ngầm dung lượng cáp từ 02FO đến 96FO với tổng chiều dài: 32,638 km.
 - + Xây dựng bộ tủ và lắp đặt tủ cáp quang 192FO: 04 tủ.
 - + Thu hồi cáp đồng và cáp quang các loại: 12 km.
- Dự án 3: Ngầm hóa mạng cáp viễn thông đường Duyên Hải, huyện Cần Giờ, Tp.HCM:
 - + Thi công xây dựng tuyến pi 2Pi110 tổng chiều dài: 0,2 km.
 - + Thi công các tuyến cáp quang ngầm dung lượng cáp từ 02FO đến 96FO với tổng chiều dài: 77,622 km.
 - + Xây dựng bộ tủ và lắp đặt tủ cáp quang 192FO: 04 tủ.
 - + Thu hồi cáp quang các loại: 15,4 km.

1.6. Quy mô khảo sát:

- Dự án 1:

- + Công tác điều tra, khảo sát hiện trạng tuyến cống bê cấp đang tồn tại và có liên quan đến công trình buru chính, viễn thông chuẩn bị xây dựng có chiều dài: 4,4 km;
 - + Công tác điều tra, khảo sát lựa chọn địa điểm đặt thiết bị phối cấp: 2 điểm;
 - + Công tác điều tra, khảo sát đo đạc chi tiết mặt bằng tuyến cáp có chiều dài: 16,067 km;
 - + Công tác điều tra, khảo sát đo đạc chi tiết mặt cắt tuyến trên cạn và thăm dò địa chất có chiều dài: 0,060 km.
- Dự án 2:
- + Điều tra, khảo sát hiện trạng tuyến cống bê cấp đang tồn tại và có liên quan đến công trình buru chính, viễn thông chuẩn bị xây dựng có chiều dài: 4,4 km;
 - + Điều tra, khảo sát lựa chọn địa điểm đặt thiết bị phối cấp: 4 điểm;
 - + Điều tra, khảo sát đo đạc chi tiết mặt bằng tuyến cáp có chiều dài: 16,989 km;
 - + Điều tra, khảo sát đo đạc chi tiết mặt cắt tuyến trên cạn và thăm dò địa chất có chiều dài: 0,060 km;
 - + Điều tra, khảo sát giá thị trường. Quy mô công trình xây dựng mới < 5 tỷ đồng: 1 công trình.
- Dự án 3:
- + Công tác điều tra, khảo sát hiện trạng tuyến cống bê cấp đang tồn tại và có liên quan đến công trình buru chính, viễn thông chuẩn bị xây dựng trong vùng địa hình cấp IV: 10 km;
 - + Công tác điều tra, khảo sát lựa chọn địa điểm đặt thiết bị phối cấp. Công trình xây dựng mới - Tuyến cáp quang trực chính: 04 điểm;
 - + Công tác điều tra, khảo sát đo đạc chi tiết mặt bằng tuyến cáp. Trong vùng địa hình cấp IV: 39,348 km;
 - + Công tác điều tra, khảo sát đo đạc chi tiết mặt cắt tuyến trên cạn và thăm dò địa chất. Trong vùng địa hình cấp IV: 0,2 km.

1.7. Địa điểm xây dựng:

- Dự án 1: đường Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, TP. HCM.
- Dự án 2: khu vực tuyến đường Văn Cao, đường Phạm Văn Xảo, thuộc phường Phú Thọ Hoà và Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án 3: tuyến đường Duyên Hải, Xã Cần Giở, TP. HCM.

1.8. Giá gói thầu sau thuế GTGT (8%): 337.052.252 đồng.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

- Lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn thiết kế đáp ứng yêu cầu của HSMT để thực hiện gói thầu “Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng” cho dự án trên.
- Đáp ứng được các nội dung yêu cầu chất lượng và tiến độ thực hiện của gói thầu.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc, thời gian, tiến độ thực hiện đối với nhà thầu:

1.1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc:

a. Gói thầu bao gồm 03 dự án như sau:

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (sau thuế GTGT 8%) (đồng)
	Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	337.052.252
1	Dự án 1: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Phú Thọ Hòa quận Tân Phú	101.778.607
2	Dự án 2: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Văn Cao, Phạm Văn Xảo, quận Tân Phú - Hạng mục hạ ngầm cáp	80.723.325
3	Dự án 3: Ngầm hóa mạng cáp viễn thông đường Duyên Hải, huyện Cần Giờ, Tp.HCM	154.550.320

Nhà thầu phải chào đủ 03 dự án và lưu ý tính toán giá chào sao cho đảm bảo giá chào thầu từng dự án không vượt giá gói thầu được duyệt tương ứng của từng dự án, nhằm đảm bảo việc triển khai khi đàm phán, ký kết hợp đồng. Nhà thầu nào không chào đủ 03 dự án sẽ bị loại không được xem xét giá.

Việc đàm phán, ký kết hợp đồng sẽ được thực hiện theo từng dự án, đảm bảo tuân thủ quy định và không trở ngại trong quá trình thanh quyết toán của Chủ đầu tư.

- b. Khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là BCKT-KT ĐTXD) công trình trên theo phương án kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn số 1222/STTTT-BCVT ngày 10/10/2011 của Sở Thông tin Truyền thông
- c. Khảo sát xây dựng bao gồm các nội dung công việc phải thực hiện được quy định tại Điều 73, 74, 75 của Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các hướng dẫn trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- d. Sử dụng thiết bị dò tìm xác định công trình ngầm theo qui định phục vụ cho công tác khảo sát thiết kế theo yêu cầu của đơn vị chủ quản.
- e. Đối với các dự án có xây dựng hạ tầng ngầm (hệ thống hầm công viễn thông), Nhà thầu phải cập nhật đầy đủ công trình ngầm (điện lực, cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, hạ tầng viễn thông của các đơn vị khác,...), và thỏa thuận hướng tuyến với các đơn vị chủ quản có xác nhận bằng văn bản trước khi lập BCKTKT ĐTXD. Chi phí cập nhật công trình ngầm sẽ được Chủ đầu tư chi trả theo các chứng từ, hóa đơn hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- f. Thỏa thuận hướng tuyến với cộng đồng, các đơn vị chức năng chuyên ngành trước khi lập BCKT-KT ĐTXD.
- g. Khảo sát, xác định hiện trạng, hạ tầng viễn thông thiết kế công trình.
- h. BCKT-KT ĐTXD được lập bao gồm các công việc phải thực hiện được quy định tại Điều 55 Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các hướng dẫn trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành Nhà Nước, của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, của Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - Viễn thông TP.HCM.
- ❖ Giám sát tác giả: Nhà thầu phải thực hiện việc giám sát tác giả và làm rõ thiết kế trong quá trình thi công xây dựng:

- Nhà thầu có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình;
- Tham gia các cuộc họp có liên quan đến thiết kế, phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công xây dựng, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư;
- Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng;
- Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư. Trường hợp phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu phải có ý kiến kịp thời bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

1.2. Thời gian thực hiện: Thực hiện ngay khi hợp đồng được ký kết.

1.3. Tiến độ thực hiện (cho mỗi dự án):

a) Thời gian thực hiện hợp đồng/gói thầu: **20 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư có thông báo bằng văn bản yêu cầu tiến hành thực hiện hợp đồng đến ngày các Bên ký nghiệm thu và bàn giao toàn bộ sản phẩm của Hợp đồng, cụ thể:

+ Thời gian Nhà thầu bàn giao sản phẩm của Hợp đồng cho Chủ đầu tư: **15 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư có thông báo bằng văn bản yêu cầu tiến hành thực hiện hợp đồng đến ngày các Bên ký nghiệm thu sơ bộ BCKTKT ĐTXD.

+ Thời gian nhân bản 06 tập BCKT-KT ĐTXD: **05 ngày** kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao Quyết định phê duyệt BCKT-KT và hồ sơ đã được thẩm định cho Nhà thầu đến ngày các bên ký nghiệm thu và bàn giao hồ sơ BCKT-KT ĐTXD.

b) Thời gian lập BCKT-KT ĐTXD điều chỉnh (nếu có): **07 ngày** kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư đến ngày các Bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao BCKT-KT ĐTXD điều chỉnh.

Trong đó:

+ Thời gian Nhà thầu lập BCKT-KT ĐTXD điều chỉnh: **05 ngày** kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư đến ngày các Bên ký nghiệm thu sơ bộ BCKT-KT ĐTXD điều chỉnh.

+ Thời gian Nhà thầu nhân bản 04 tập BCKT-KT ĐTXD điều chỉnh: **02 ngày** kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao Quyết định phê duyệt BCKT-KT điều chỉnh và hồ sơ đã được thẩm định cho Nhà thầu đến ngày các bên ký nghiệm thu và bàn giao BCKT-KT ĐTXD điều chỉnh.

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trên không bao gồm:

- + Ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Chính phủ;
- + Thời gian Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng thụ lý, xử lý hồ sơ (nếu có);
- + Thời gian Nhà thầu thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- + Các trường hợp bất khả kháng.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn.

2.1. Nội dung công việc Nhà thầu phải thực hiện:

- ❖ Nhà thầu tư vấn thiết kế thực hiện nhiệm vụ theo mục 1.1 Mô tả chi tiết phạm vi công việc.
- ❖ Nội dung công việc thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước: Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.
- ❖ Quản lý chất lượng công tác thiết kế xây dựng của nhà thầu thiết kế xây dựng:
 - Nội dung quản lý chất lượng của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình:
 - Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp được nêu cụ thể tại Mục 2 - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT - Chương III trong E-HSMT để thực hiện nhiệm vụ;
 - Chỉ sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình phù hợp với quy định hiện hành;
 - Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế;
 - Trình chủ đầu tư hồ sơ thiết kế để được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm định;
 - Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.
 - Nhà thầu thiết kế chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng công trình do mình thực hiện; việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế của cá nhân, tổ chức, chủ đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu thiết kế về chất lượng thiết kế xây dựng công trình do mình thực hiện.
 - Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.
 - Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

2.2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật

a. Chất lượng

- Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công việc do Nhà thầu thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên ngành xây dựng và ngành Bưu chính Viễn thông (sau đây viết tắt là BCVT).
- Đối với vật tư sử dụng cho dự án: Nhà thầu thực hiện định danh vật tư (mã vật tư, tên, quy cách chủng loại vật tư, đơn vị tính,...) theo quy định của Viễn thông TP Hồ Chí

Minh, thông báo vật tư áp dụng tại các công trình do Ban Quản lý dự án Tây Thành phố thực hiện.

- Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

b. Yêu cầu đối với thiết kế xây dựng

- Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế; phù hợp với quy hoạch xây dựng, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên, văn hoá - xã hội tại khu vực xây dựng.
- Nội dung thiết kế xây dựng công trình phải đáp ứng yêu cầu của từng bước thiết kế.
- Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác.
- Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan; bảo đảm bảo giải pháp xây dựng mới hạ tầng mạng viễn thông ngầm phải đón chuyên được toàn bộ mạng cáp treo hiện hữu xuống ngầm và có dự phòng cho phát triển thuê bao mới trên cơ sở tối ưu, tận dụng tối đa hạ tầng mạng viễn thông VNPT hiện hữu; thực hiện thu hồi mạng lưới hiện hữu sau khi thực hiện ngầm hóa đảm bảo mỹ quan đô thị.

c. Quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình

- Hồ sơ thiết kế xây dựng được lập cho từng công trình bao gồm: thuyết minh thiết kế, bảng tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có);
- Bản vẽ thiết kế xây dựng phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế xây dựng phải xác nhận vào hồ sơ và đóng dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng;
- Phần thuyết minh của sản phẩm thiết kế gồm các nội dung tính toán và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị và làm căn cứ thiết kế; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được, phù hợp với quy định hiện hành; các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế xây dựng, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài;
- Chỉ dẫn kỹ thuật được lập riêng và quy định như sau:
 - Chỉ dẫn kỹ thuật là cơ sở để thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng;
 - Chỉ dẫn kỹ thuật phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng;
- Dự toán xây dựng công trình phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí xây dựng và mặt bằng giá xây dựng công trình;
- Nhà thầu phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình;

- Nhà thầu không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

3. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại:

3.1. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Nhà thầu bị phạt theo mức:

- Về tiến độ: 0,5% giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT) cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.
- Về chất lượng:
 - Sản phẩm tư vấn không khả thi, bị hoàn trả từ 3 lần trở lên sẽ bị phạt 2% giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT)/lần (áp dụng từ lần thứ 3).

Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

3.2. Bồi thường thiệt hại:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
- Bồi thường thiệt hại do thiết kế không đúng yêu cầu thực tế hiện trường do lỗi chủ quan của đơn vị tư vấn: không phù hợp về kích thước, chủng loại vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình dẫn đến vật tư, thiết bị không đưa vào lắp đặt được thì Nhà thầu sẽ phải bồi thường thiệt hại với mức bồi thường tối đa bằng 100% Tổng giá trị vật tư trước thuế phải hoàn trả về kho theo Phiếu xuất kho vật tư của Chủ đầu tư.
- Thiết kế thiếu / thừa vật tư chính dẫn đến thiệt hại. Nhà thầu sẽ phải bồi thường thiệt hại với mức bồi thường bằng Tổng giá trị vật tư thiếu / thừa trước thuế (tính theo đơn giá tương ứng trong Phiếu xuất kho của Chủ đầu tư) trường hợp xác định lỗi là do nhà thầu.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Các báo cáo phải nộp:

STT	Nội dung	Số lượng (bộ)
1	Nhiệm vụ khảo sát	02
2	Phương án kỹ thuật khảo sát	02
3	Báo cáo kết quả khảo sát	03
4	Biên bản nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát	04
5	Nhiệm vụ thiết kế [<i>Chủ đầu tư lập hoặc thuê tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp lập – Điều 32 – NĐ 15</i>]	03
6	Phương án thiết kế	02
7	Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (BCKTKT) bao gồm đầy đủ các nội dung:	01

STT	Nội dung	Số lượng (bộ)
	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết minh của BCKTKT: Sự cần thiết đầu tư, mục tiêu xây dựng công trình; địa điểm xây dựng công trình; quy mô, công suất; cấp công trình; nguồn kinh phí xây dựng công trình; thời hạn xây dựng; hiệu quả công trình; phòng chống cháy nổ. + Bản vẽ thiết kế (phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công công trình và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình) + Dự toán xây dựng công trình (phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình) + Quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có). 	
8	Biên bản nghiệm thu sơ bộ hồ sơ BCKT-KT	04
9	BCKT-KT đã được hoàn chỉnh theo kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt của cấp thẩm quyền Chủ đầu tư	06
10	Biên bản nghiệm thu và bàn giao hồ sơ BCKT-KT	04
11	File các hình ảnh của hồ sơ báo cáo khảo sát; dữ liệu dự toán; thuyết minh và bản vẽ được duyệt; scan quyền BCKT-KT nhân bản đã được phê duyệt: 01 file (cho mỗi loại hồ sơ).	01

2. **Tiến độ nộp báo cáo:** Theo tiến độ thực hiện nêu trên và các yêu cầu của chủ đầu tư bằng văn bản riêng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí công việc như được quy định tại nội dung số 3 Mục 2 [Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật] Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

V. Điều chỉnh giá hợp đồng:

Các bên lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá trị hợp đồng trong các trường hợp sau:

1. Sau khi BCKTKT ĐTXD được duyệt, giá trị hợp đồng được xác định chính xác như sau:

“Giá trị hợp đồng = [Chi phí khảo sát và lập BCKTKT ĐTXD được Chủ đầu tư phê duyệt trong BCKTKT ĐTXD] x Tỷ lệ sau giảm giá”.

2. Khi có những thay đổi phát sinh phải điều chỉnh, sửa đổi lớn về thiết kế dự toán thì Nhà thầu sẽ thực hiện điều chỉnh theo yêu cầu của Chủ đầu tư và chỉ được hưởng chi phí lập thiết kế dự toán điều chỉnh trong các trường hợp: phạm vi thiết kế mới nằm ngoài phạm vi thiết kế ban đầu hoặc điều chỉnh lại phương án thiết kế do thay đổi phương án kỹ thuật...

Sau khi BCKTKT ĐTXD điều chỉnh được duyệt, giá trị hợp đồng được xác định chính xác như sau:

“Giá trị hợp đồng điều chỉnh = [Giá trị hợp đồng đã ký] + [Chi phí lập thiết kế dự toán hoặc BCKTKT điều chỉnh được Chủ đầu tư phê duyệt x Tỷ lệ sau giảm giá]”.

3. Bảng tính tỷ lệ sau giảm giá: (đính kèm trong hồ sơ đề xuất về tài chính):

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (sau thuế GTGT 8%) (đồng)	Giá ký hợp đồng (sau thuế GTGT 8%) (đồng)	Tỷ lệ sau giảm giá (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)	(6)
	Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	337.052.252			
1	Dự án 1: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Phú Thọ Hòa quận Tân Phú	101.778.607			
2	Dự án 2: Ngầm hóa mạng viễn thông đường Văn Cao, Phạm Văn Xảo, quận Tân Phú - Hạng mục hạ ngầm cáp	80.723.325			
3	Dự án 3: Ngầm hóa mạng cáp viễn thông đường Duyên Hải, huyện Cần Giờ, Tp.HCM	154.550.320			

Ghi chú:

- Tỷ lệ sau giảm giá = Giá ký hợp đồng sau thuế GTGT/ Giá dự toán gói thầu sau thuế GTGT.
- Tỷ lệ sau giảm giá sẽ không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- Nhà thầu lưu ý tính toán chào thầu sao cho giá chào thầu từng dự án không vượt giá gói thầu được duyệt tương ứng của từng dự án nhằm đảm bảo việc triển khai đàm phán, ký kết hợp đồng.
- Nhà thầu tạm thời áp dụng mức **thuế GTGT 8%** cho tất cả các hàng hóa, dịch vụ để chào thầu và là cơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo, ký kết hợp đồng.

VI. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ:

- Thời hạn bảo hành: 365 ngày (dự kiến từ ngày nghiệm thu, bàn giao BCKTKT ĐTXD đến khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng).
- Địa điểm để áp dụng bảo hành: địa điểm xây dựng của dự án.
- Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó.
- Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn 05 ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục.

- Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 17.

(Ghi chú: Thời gian bảo hành qui định trong E-ĐKC 11 là số ngày dự kiến từ ngày nghiệm thu, bàn giao BCKTKT ĐTXD đến khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng).

VII. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Cung cấp cho Nhà thầu thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu cần thiết để thực hiện công việc theo yêu cầu của gói thầu.
- Hướng dẫn Nhà thầu về những nội dung liên quan đến dự án.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

Phương thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

c) Số lần thanh toán: 02 lần. Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư đủ các chứng từ thanh toán sau:

■ **Lần 1:** Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 80% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu hoàn thành nhân bản hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (BCKT-KT) theo kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt của cấp thẩm quyền Chủ đầu tư. Chứng từ thanh toán gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu (bản chính);
- Biên bản nghiệm thu sơ bộ hồ sơ BCKT-KT (bản chính);
- Biên bản nghiệm thu và bàn giao hồ sơ BCKT-KT (bản chính);
- Phụ lục hợp đồng (bản chính);
- Biên bản xác nhận tiến độ thực hiện hợp đồng (bản chính);
- Biên bản phạt vi phạm hợp đồng (nếu có, bản chính);
- Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính (Giá trị hóa đơn = 100% giá trị khối lượng hoàn thành);
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

■ **Lần 2:** Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu phần còn lại của giá trị hợp đồng sau khi công trình được Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán. Chứng từ thanh toán gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu (bản chính);
- Biên bản thanh lý hợp đồng (bản chính);
- Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính (điều chỉnh theo kết quả phê duyệt quyết toán, nếu có).

d) Thông tin ghi trên hóa đơn:

Tên đơn vị: **CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) - VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0300954529.

Hoặc:

Tên đơn vị: **VNPT thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0300954529.

(Lưu ý: Phần tên đơn vị ghi đúng chữ hoa, chữ thường theo nội dung nêu trên).

